

Bản án số: 446/2021/DS-PT
Ngày: 24 - 12 - 2021
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2611/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Trương Thị Kim L1, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Trương Văn B, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn Q, sinh năm 1950 (vắng mặt)
2. Bà Trương Thị O, sinh năm 1950 (vắng mặt)
3. Ông Trương Thanh H, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Trương Văn Q, bà Trương Thị O, ông Trương Thanh H: Bà Lê Thị Ngọc Th, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Trương Tuấn A, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PB, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt)

6. Bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Ngọc Đ, bà Trương Thị Mỹ H: Ông Trương Văn B, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PB, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

7. Bà Trương Thị L, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

8. Ủy ban nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Mỹ H– Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Mỹ H: Ông Lê Văn Th– Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (xin xét xử vắng mặt).

9. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc (vắng mặt).

10. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Trương Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Trương Tuấn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trương Thị Kim L và Trương Thị Kim L1 có chị Lê Thị Ngọc Th làm đại diện trình bày:*

Cha là ông Trương Văn H (chết năm 1975) và mẹ là bà Lê Thị T (chết 1997) có 07 người con gồm ông Trương Văn Q, Trương Thị O, Trương Thị Bích T (Trương Thị L), Trương Thanh H, Trương Thị Kim L1, Trương Thị Kim L, Trương Văn B. Lúc sinh thời ông H bà T có tạo lập khối tài sản di sản tích

chung 21.040m². Ông H bà T cho ông Q 5.500m² đất lúa + vườn, cho bà On 2.000m² đất lúa, cho ông H 4.200m² đất lúa, vườn, các bên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này không tranh chấp. Năm 1975 Ông H chết không để lại di chúc. Tài sản còn lại bà T quản lý gồm thửa 135, diện tích 5.113,9m², loại đất 2 lúa; thửa 137 diện tích 1.290m², loại đất 2 lúa; thửa 139 diện tích 60m², loại đất nghĩa địa; thửa 140 diện tích 1.500m², loại đất vườn; thửa 141 diện tích 700m², loại đất 2 lúa; thửa 143 diện tích 2.220m², loại đất thổ + quả, cùng tọa lạc đất tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 1997 bà T chết không để lại di chúc, ông B quản lý, sử dụng các thửa đất trên. Năm 2014 các anh, chị, em họp lại để chia khối di sản bà T chết để lại thì ông B không đồng ý vì ông B đã đăng ký quyền sử dụng đất nên phát sinh tranh chấp.

Nay yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trương Văn B đối với thửa 135 diện tích 5.113,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 3 nay là thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m², loại đất chuyên trồng lúa do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp ngày 31/12/2014. Yêu cầu chia thừa kế thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m² thành 04 kỷ phần gồm: chia bà L diện tích 1.516,7m²; chia cho bà L1 diện tích 1.521,8m²; chia cho ông Q diện tích 1.061,95m²; chia cho bà On diện tích 1.061,95m². Nguyên đơn yêu cầu nhận bằng hiện vật là đất. Đối với các thửa đất khác các nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trương Văn B có anh Nguyễn Đoàn Bá Duy làm đại diện trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ông H bà T có 07 người con, về khối tài sản ông H và bà T chết để lại. Sau khi ông H chết ông B cùng bà T quản lý và sử dụng 06 thửa đất, khoảng năm 1983 do sức khỏe bà T yếu nên ông B cùng vợ là bà Đ trực tiếp quản lý, canh tác các thửa đất cho đến nay. Sau khi bà T chết, vào tháng 8/2000, ông B có làm thủ tục thừa kế thửa 135, diện tích 4.770m², loại đất 2L; thửa 137, diện tích 1.290m², loại đất 2L; thửa 139, diện tích 60m², loại đất nghĩa địa; thửa 140, diện tích 1.500m², loại đất vườn; thửa 141, diện tích 700m², loại đất 2L; thửa 143, diện tích 2.220m², loại đất thổ quả, các thửa đất tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long và được ông Q, bà On, ông H, bà L, bà L1, bà L ký tên vào Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000, riêng bà L làm đơn khước từ nhận di sản. Đến ngày 16/7/2001 ông B được Ủy ban nhân dân huyện LH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông B có đơn xin cấp đổi giấy mới theo chương trình Vlap.

Nay bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Kim L, Trương Thị Kim L1; không đồng ý đối với yêu cầu độc lập của ông Trương Văn Q, bà Trương Thị O về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế tại thửa 135 diện tích 5.113,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 3 nay là thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m², loại đất lúa do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp cho hộ ông Trương Văn B ngày

31/12/2014. Đối với việc rút yêu cầu độc lập của ông Trương Thanh H bị đơn không có ý kiến.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Văn Q có bà Lê Thị Ngọc Th làm đại diện trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ông H bà T có 07 người con, về khối tài sản ông H và bà T chết để lại. Khi ông B lập Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000, ông Q không biết và không có ký tên.

Nay yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trương Văn B đối với thửa 135 diện tích 5.113,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 3 nay là thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m², loại đất lúa do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp ngày 31/12/2014. Yêu cầu chia thừa kế thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m² thành 04 kỷ phần gồm: chia bà L diện tích 1.516,7m²; chia cho bà L1 diện tích 1.521,8m²; chia cho ông Q diện tích 1.061,95m²; chia cho bà On diện tích 1.061,95m². Ông Q yêu cầu nhận bằng hiện vật là đất. Đối với các thửa đất khác ông Q không yêu cầu chia thừa kế.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Thị O có bà Lê Thị Ngọc Th làm đại diện trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ông H bà T có 07 người con, về khối tài sản ông H và bà T chết để lại. Khi ông B lập Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000, bà On không biết và không có ký tên.

Nay yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trương Văn B đối với thửa 135 diện tích 5.113,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 3 nay là thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m², loại đất lúa do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp ngày 31/12/2014. Yêu cầu chia thừa kế thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m² thành 04 kỷ phần gồm: chia bà L diện tích 1.516,7m²; chia cho bà L1 diện tích 1.521,8m²; chia cho ông Q diện tích 1.061,95m²; chia cho bà On diện tích 1.061,95m². Bà On yêu cầu nhận bằng hiện vật là đất. Đối với các thửa đất khác bà On không yêu cầu chia thừa kế.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Thanh H có bà Lê Thị Ngọc Th làm đại diện trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ông H bà T có 07 người con, về khối tài sản ông H và bà T chết để lại. Khi ông B lập Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000, ông H không biết và không có ký tên.

Nay ông H rút lại yêu cầu độc lập đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế tại thửa 137 diện tích 1.290m², loại đất lúa nay là thửa 162, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.276,8m², loại đất lúa, tọa lại ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Ông H không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Tuấn A trình bày:
Thông nhất với ý kiến của bị đơn, ngoài ra không có ý kiến khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc Đ, Trương Thị Mỹ H có ông Trương Văn B làm đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Thị L trình bày:*

Bà L là con của ông Trương Văn H và bà Lê Thị T, cha mẹ có 07 người con gồm Trương Văn Q, Trương Thị O, Trương Thị L, Trương Thanh H, Trương Văn B, Trương Thị Kim L1, Trương Thị Kim L. Lúc còn sống ông H và bà T có tạo lập hơn 22.000m² đất ruộng, vườn và có cho ông Q 5.500m² đất ruộng, bà On 2.000m² đất ruộng, ông H 4.200m² đất ruộng. Ông Trương Văn B là em thứ 6, từ nhỏ sống với bà T và cùng canh tác các phần đất. Năm 1992 bà T bị bệnh thì do ông B và vợ chăm sóc bà T và canh tác ruộng, vườn. Đến năm 1997 bà T mất thì ông B và vợ là người thờ cúng và tiếp tục canh tác ruộng, vườn. Đến tháng 8/2000 ông B làm thủ tục nhận thừa kế đất của bà T chết để lại, bà có ký tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất của ông B và có làm đơn khước từ nhận di sản. Theo bà L thì khi ông B làm thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất, ông B có đến từng nhà của các anh chị để cho các anh chị ký tên vào tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất chứ không có việc ông B giả mạo chữ ký như bà L, bà L1, ông Q, bà On, ông H trình bày. Trường hợp Tòa án chia thừa kế theo pháp luật tại thừa 149, bà L yêu cầu được chia một suất thừa kế và đồng ý giao kỷ phần thừa kế mà bà L được hưởng cho ông Trương Văn B.

- *Tại Công văn 1333/UBND ngày 11/7/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện LH có ông Lê Văn Th làm đại diện trình bày:*

Theo tư liệu chương trình đất, bà Lê Thị T kê khai đăng ký các thửa đất 135, diện tích 4.770m², loại đất trồng lúa; thửa 137, diện tích 1.290m², loại đất trồng lúa; thửa 139, diện tích 60m², loại đất nghĩa địa; thửa 140, diện tích 1.500m², loại đất vườn; thửa 141, diện tích 700m², loại đất lúa; thửa 143, diện tích 2.220m², loại đất thổ vườn; các thửa đất cùng tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 06/9/1997 bà Lê Thị T chết, ông Trương Văn B (con của bà T) lập Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000, gồm các thửa đất 135, diện tích 4.770m², loại đất trồng lúa; thửa 137, diện tích 1.290m², loại đất trồng lúa; thửa 139, diện tích 60m², loại đất nghĩa địa; thửa 140, diện tích 1.500m², loại đất vườn; thửa 141, diện tích 700m², loại đất lúa; thửa 143, diện tích 2.220m², loại đất thổ vườn; các thửa đất cùng tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long được UBND xã LH xác nhận ngày 31/8/2000.

Ngày 16/7/2001 hộ ông Trương Văn B được UBND huyện LH ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa nêu trên.

Căn cứ Điều 23, Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ quy định trình tự thủ tục thực hiện việc thừa kế quyền sử dụng đất. Hộ ông Trương Văn B được cấp GCNQSĐĐ các thửa đất nêu trên được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Ngày 11/6/2014 hộ ông Trương Văn B làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 135, tờ bản đồ số 3 (thửa mới là 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m²) và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LH xác nhận “Đủ điều kiện cấp đổi theo Điều 76 của nghị định 43/2014/NĐ-CP”. Ngày 31/12/2014 hộ ông Trương Văn B được UBND huyện LH cấp GCNQSDĐ thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m², loại đất lúa.

Ngày 10/12/2014 hộ ông Trương Văn B làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 143 (thửa mới là 148, tờ bản đồ số 26, diện tích 541,7m²) và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LH xác nhận “Đủ điều kiện cấp đổi theo Điều 76 của nghị định 43/2014/NĐ-CP”. Ngày 14/5/2015 hộ ông Trương Văn B được UBND huyện LH cấp GCNQSDĐ thửa 148, tờ bản đồ số 26, diện tích 541,7m², loại đất trồng cây lâu năm.

Cùng ngày 10/12/2014 hộ ông Trương Văn B làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 143, diện tích 2.220m² (thửa mới là 122, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.687,8m²) và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LH xác nhận “Đủ điều kiện cấp đổi theo Điều 76 của nghị định 43/2014/NĐ-CP”. Ngày 14/5/2015 hộ ông Trương Văn B được UBND huyện LH cấp GCNQSDĐ thửa 122, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.687,8m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm.

Qua diễn biến và căn cứ trên thì UBND huyện LH cấp GCNQSDĐ cho hộ ông B thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m², loại đất lúa; thửa 148, tờ bản đồ số 26, diện tích 541,7m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa 122, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.687,8m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, các thửa đất cùng tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

UBND huyện LH không thống nhất đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ các thửa đất 122, 148, 149 cấp cho hộ Trương Văn B đứng tên. Lý do: Việc cấp GCNQSDĐ các thửa trên thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Tại Công văn 923/STNMT ngày 18/3/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long trình bày:

Ngày 16/7/2001 hộ ông Trương Văn B được UBND huyện LH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 137, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.290m², mục đích sử dụng: Lúa.

Ngày 11/12/2014 ông Trương Văn B làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 162 (số thửa cũ là 137) tờ bản đồ số 05 (tờ bản đồ cũ là 03) diện tích 1.276,8m² (diện tích đất giảm 13,2m² so với diện tích được cấp GCNQSDĐ năm 2001), mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, được UBND xã LH xác nhận ngày 07/01/2015: “Đồng ý cấp đổi, diện tích giảm do sai số đo đạc, ranh giới sử dụng

ổn định”. Ý kiến của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện LH xác nhận ngày 06/8/2015: “Đủ điều kiện cấp đổi....”.

Đến ngày 30/9/2015 hộ ông Trương Văn B được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp đổi Giấy chứng nhận số CB 365126 thửa 162, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.276,8m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH.

Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy nhận cho hộ ông Trương Văn B trên cơ sở “Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được UBND xã LH xác nhận ngày 07/01/2015 và được Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện LH xác nhận ngày 08/01/2015 là thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 10 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày:* Hiện tại ông B không còn thế chấp và vay vốn của Ngân hàng nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Các đương sự thống nhất giá đất chuyên trồng lúa nước là 80.000đ/m² thống nhất với Biên bản khảo sát, đo đạc và định giá ngày 02/5/2018 và Kết luận giám định ngày 20/12/2018, 07/11/2019 không yêu cầu giám định lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Kim L, Trương Thị Kim L1; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn Q, Trương Thị O; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị L.

1.1 Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 441532, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 04035, thửa 149, diện tích 5.162,4 m², tờ bản đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp cho hộ Trương Văn B ngày 31/12/2014.

1.2 Chia cho bà Trương Thị Kim L được hưởng thừa kế phần đất thuộc tách thửa 149-1, diện tích 2.065m² (gồm các mốc 1, 2, a, d, 13, 14, 15, 16, 17, 1), tờ bản đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

1.3 Chia cho bà Trương Thị Kim L1 được hưởng thừa kế phần đất thuộc tách thửa 149-2, diện tích 2.065m² (gồm các mốc a, 3, 4, b, c, 10, 11, 12, d, a), tờ bản đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

1.4 Chia cho ông Trương Văn B được thừa kế phần đất thuộc tách thửa 149-3, diện tích 1.032,4m² (gồm các mốc b, 5, 6, 7, 8, 9, c, b), tờ bản đồ số 5,

loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo trích đo bản đồ chính khu đất (số 2) của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long ngày 24/9/2020).

1.5 Các đương sự được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Thanh H về việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 137 (nay là thửa 162), diện tích 1.276,8m², tờ đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2020 bị đơn ông Trương Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Đ, ông Trương Tuấn A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong phần tranh luận, các bên đương sự giữ nguyên lời trình bày đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Long, phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định không đủ cơ sở xác định bà L, bà L1 ký tên vào Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 30/8/2000. Tại phiên tòa hôm nay, bà L1, bà L không thừa nhận có ký tên. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B là không đúng trình tự, thủ tục do hồ sơ thừa kế là không đúng quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, bà L1, yêu cầu độc lập của ông Q, bà On là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Trương Thị L, Ủy ban nhân dân huyện LH, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập nhưng vắng mặt. Xét thấy, những đương sự trên không có kháng cáo, đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Trương Văn H và bà Lê Thị T có 07 người con gồm: Ông Trương Văn Q, bà Trương Thị O, bà Trương Thị Bích T (Trương Thị L), ông Trương Thanh H, bà Trương Thị Kim L1, bà Trương Thị Kim L, ông Trương Văn B. Ông H chết năm 1975, bà T chết năm 1997 đều không để lại di chúc. Di sản thừa kế của ông H và bà T để lại gồm các thửa đất 135, 137, 139, 140, 141, 143 tọa lạc tại ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện LH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Văn B vào ngày 16/7/2001, cấp đổi ngày 31/12/2014.

Các nguyên đơn bà Trương Thị Kim L, bà Trương Thị Kim L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tại thửa 135 diện tích 5.113,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.162,4m²) thành 04 kỷ phần cho 04 người gồm: Bà Trương Thị Kim L, ông Trương Văn Q, bà Trương Thị Kim L1, bà Trương Thị O.

Bị đơn ông Trương Văn B cho rằng sau khi bà T chết, các anh chị em đã đồng ý cho ông được thừa kế toàn bộ diện tích đất trên theo Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Q, bà Trương Thị O, ông Trương Thanh H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời các ông bà có yêu cầu độc lập đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông B đối với thửa 135. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông H đã xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập và không yêu cầu chia thừa kế.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 23, Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ thì hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất từ bà T sang ông B không đúng quy định pháp luật do:

- Không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đứng tên
- Không có biên bản phân chia di sản thừa kế tài sản mà bà T chết để lại, mà chỉ có Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000
- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13/9/2000 ông B không ký tên.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ông B kê khai đăng ký thừa kế phần đất đang tranh chấp là không đúng quy định pháp luật, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất trên.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[4.1] Về nguồn gốc đất: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện LH tại văn bản số 1333/UBND ngày 11/7/2019 thì, phần đất tại thửa 135 diện tích 4.770 m² (nay là thửa 149 diện tích 5.162,4m²) do bà Lê Thị T kê khai đăng ký. Do bà T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 135, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập Ủy ban nhân dân huyện LH vào tham gia tố tụng. Trong văn bản trình bày ý kiến, Ủy ban nhân dân huyện LH đã xác nhận phần đất trên do bà T đăng ký kê khai và sử dụng ổn định. Theo quy định của pháp luật đất đai thì người sử dụng đất có các giấy tờ đăng ký quyền sử dụng đất, và quá trình sử dụng ổn định không tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Do vậy, có đủ cơ sở xác định phần đất trên là di sản thừa kế của bà T để lại. Việc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đủ cơ sở để chứng minh người sử dụng đất không có quyền sử dụng đất hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là một trong các căn cứ xác định hồ sơ thừa kế của ông B không đúng quy định pháp luật là không chính xác.

[4.2] Đối với nhận định cho rằng: Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13/9/2000, ông B không ký tên thì đây là sai sót của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, kiểm tra hồ sơ đăng ký của ông B. Mặt khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ ông B, nếu sai sót này có ảnh hưởng thì là liên quan đến quyền lợi của hộ ông B. Tuy nhiên, ông B không phủ nhận nội dung trình bày trong đơn đăng ký quyền sử dụng đất, không có ý kiến về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, nên vấn đề này không làm thay đổi bản chất nội dung sự việc.

[4.3] Ông B cho rằng sau khi bà T chết, các anh chị em đã đồng ý cho ông được thừa kế phần đất trên và các phần đất khác theo Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000. Các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận có ký tên vào tờ khai thừa kế nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất tại thửa 135 nay là thửa 149. Theo nhận định của bản án sơ thẩm thì hồ sơ thừa kế của ông B không có biên bản phân chia tài sản mà bà T để lại nên không đúng.

Xét thấy, vấn đề mấu chốt cần phải giải quyết trong vụ án là xác định các anh chị em có ký tên vào Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000, để đồng thuận giao toàn bộ phần di sản thừa kế cho ông B hay không? Biên bản

phân chia tài sản hay Tờ khai thừa kế là hình thức thể hiện ý chí của các đồng thừa kế. Do đó, việc nhận định cho rằng vì không có biên bản phân chia tài sản nên việc thừa kế quyền sử dụng đất của ông B là không đúng quy định pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đúng.

[4.4] Xét Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000:

- Về hình thức: Tờ khai thừa kế ngày 31/8/2000 có chữ ký của tất cả các anh chị em ông B gồm: Bà L, bà L1, bà L, ông Q, bà On, ông H, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

- Về nội dung: Tại mục 2 Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất thể hiện ông Trương Văn B được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tại các thửa 135, 137, 139, 140, 141, 143.

Trong các anh chị em thì bà L, bà L1, ông Q, ông H và bà On không thừa nhận có ký tên vào văn bản trên. Bà L xác nhận lời trình bày của ông B là thật và có ký tên vào văn bản, đồng thời từ chối nhận di sản thừa kế. Xét, do các đương sự không thừa nhận chữ ký trong văn bản thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký của bà L, bà L1, bà On, ông Q, ông H. Theo kết luận giám định số 581/KLGD-PC09 ngày 20/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Long và Kết luận giám định số 4476/C09B ngày 07/11/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh thì: Chữ ký bà Trương Thị O, ông Trương Thanh H tại Tờ khai thừa kế là do bà On, ông H ký tên; Không đủ cơ sở xác định bà L, bà L1 có ký tên vào Tờ khai thừa kế; Đối với ông Q thì tại một số mẫu chữ ký dùng để so sánh xác định ông Q có ký tên, một số mẫu khác thì không đủ cơ sở xác định có ký hay không?

Căn cứ vào kết luận giám định trên, cùng với lời trình bày xác nhận của bà L thì có cơ sở xác định lời trình bày của ông B về việc sau khi bà T chết thì, các anh chị em có lập Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 31/8/2000 là thật. Theo đó, bà L, bà On, ông H, ông Q đã tự nguyện giao toàn bộ phần đất (di sản thừa kế của cha mẹ) cho ông B quản lý, sử dụng. Điều này thể hiện các đương sự trên đã từ chối nhận thừa kế theo quy định pháp luật. Do vậy, bà On, ông Q yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với thửa 135 là không có căn cứ.

Đối với bà L, bà L1 thì các đương sự không thừa nhận chữ ký. Kết luận giám định thể hiện không có cơ sở xác định chữ ký trong văn bản thừa kế là của các bà, nên không có chứng cứ chứng minh các nguyên đơn đồng ý giao di sản thừa kế cho ông B. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 135 (không yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa khác) là có cơ sở chấp nhận.

[4.5] Ông H và bà T có 07 người con. Theo nhận định tại mục [4.4] thì bà L, bà On, ông H, ông Q đã từ chối nhận di sản thừa kế. Do vậy, người thừa kế được xác định gồm 03 người là bà L, bà L1, ông B.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông B đã được hưởng thừa kế các thửa đất còn lại (ngoài thửa 135), là lớn hơn nhiều so với kỷ phần thừa kế được hưởng từ

thửa 135 nên không chia thừa kế thửa 135 cho ông B. Xét, nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là không có căn cứ. Vì ông B không có ý kiến từ chối nhận di sản thừa kế đối với thửa 135, không thuộc trường hợp không được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật. Việc các anh chị em không yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất còn lại, giao cho ông B các thửa đất trên không phải là căn cứ tước quyền thừa kế của ông B đối với thửa 135. Mặt khác, các đương sự đều xác định ông B là người sống cùng bà T, sau khi bà T mất ông B tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự thì cần xem xét công sức của ông B trong việc giữ gìn, quản lý di sản thừa kế tương đương 01 kỷ phần thừa kế khi chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 135.

Do vậy, phần diện tích đất tại thửa 135 (nay là thửa 149 diện tích 5.162,4m²) được chia thành 04 phần gồm bà L, bà L1 mỗi người 01 phần, ông B 02 phần do tính công sức đóng góp.

[4.6] Bà L, bà L1 yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật. Tuy nhiên, theo sơ đồ thửa đất ngày 24/9/2020 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Long thì không có phần đất nào của thửa đất giáp với lối đi, dẫn đến việc phân chia theo hiện vật sẽ gây khó khăn cho việc thi hành cũng như việc canh tác đất của các đương sự. Hơn nữa, phần đất này nằm liền kề với các thửa đất còn lại (giao cho ông B) và nằm trong cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông B. Ông B đã khai thác, sử dụng ổn định phần đất này. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc giữ nguyên hiện trạng, giao cho ông B quản lý sử dụng, đồng thời ông B có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà L, bà L1 là phù hợp quy định pháp luật, và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Theo biên bản khảo sát, đo đạc và định giá ngày 02/5/2018 ngày 02/5/2018 thì giá đất chuyên trồng lúa nước là 80.000 đồng/m². Phần đất tại thửa 135 (nay là thửa 149, diện tích 5.162,4m²) được chia thành 04 phần = 1.290,2m²; Giá trị 1 kỷ phần thừa kế = 1.290,2m² x 80.000 đồng/m² = 103.248.000 đồng. Vậy, ông B được nhận toàn bộ thửa đất 135, có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L, bà L1 mỗi người 103.248.000 đồng.

[4.7] Do giao phần đất thửa 135 cho ông B, nên yêu cầu độc lập của bà On, ông Q về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 441532, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 04035, thửa 149, diện tích 5.162,4m², tờ bản đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp cho hộ ông B ngày 31/12/2014 không được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện đầy đủ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, dẫn đến việc giải quyết gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Án phí và chi phí tố tụng:

- Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá:

Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá là 9.510.000 đồng. Bà L, bà L1, ông B phải chịu tương đương với kỹ phần thừa kế được hưởng là: $9.510.000 \text{ đồng} : 4 = 2.377.500 \text{ đồng}$. Bà L, bà L1 mỗi người hưởng 01 kỹ phần, nên mỗi người phải chịu chi phí là 2.377.500 đồng. Ông B được hưởng 02 kỹ phần, nên chịu chi phí là $2.377.500 \text{ đồng} \times 2 = 4.755.000 \text{ đồng}$. Do bà L, bà L1 đã nộp tạm ứng, nên buộc ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà L, bà L1 số tiền 4.755.000 đồng.

- Chi phí giám định chữ ký là 4.600.000 đồng. Ông B có nghĩa vụ phải nộp. Ông B đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L, bà L1, ông B phải chịu án phí tương đương với kỹ phần được hưởng. Cụ thể:

Bà L được hưởng 01 kỹ phần = 103.248.000 đồng, nên phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là $103.248.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.162.400 \text{ đồng}$, trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.535.500 đồng theo biên lai thu số 0000543 ngày 30/3/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà L còn phải nộp thêm 2.626.900 đồng.

Bà L1 được hưởng 01 kỹ phần = 103.248.000 đồng, nên phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là $103.248.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.162.400 \text{ đồng}$, trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.535.500 đồng theo biên lai thu số 0000540 ngày 30/3/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà L1 còn phải nộp thêm 2.626.900 đồng.

Ông B được hưởng 02 kỹ phần = 206.496.000 đồng, nên phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là $206.496.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.324.800 \text{ đồng}$.

Ông H, bà On, ông Q không phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

I/Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn B, chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Đ, ông Trương Tuấn A; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 34, Điều 147, Điều 161, Điều 165, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 634, Điều 674, Điều 675, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 12, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Thanh H về việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 137 (nay là thửa 162), diện tích 1.276,8m², tờ đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Q và bà Trương Thị O về các yêu cầu:

- Chia thừa kế đối với phần đất tại thửa 149 (thửa 135), diện tích 5.162,4m², tờ bản đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 441532, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 04035, thửa 149, diện tích 5.162,4m², tờ bản đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp cho hộ ông Trương Văn B ngày 31/12/2014.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Kim L và bà Trương Thị Kim L1 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất tại thửa 149 (thửa 135), diện tích 5.162,4m², tờ bản đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Chia cho bà Trương Thị Kim L, bà Trương Thị Kim L1 mỗi người được hưởng giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 103.248.000 đồng, tương đương diện tích 1.290,2m² đất thuộc thửa 149 (thửa 135), diện tích 5.162,4m², tờ bản đồ số 5, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Phước Bình, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông Trương Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Kim L, bà Trương Thị Kim L1 mỗi người 103.248.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày những người được thi hành án gửi đơn yêu cầu thi hành án trả tiền nếu bị đơn chưa thi hành án trả tiền thì hàng tháng bị đơn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá:

Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá là 9.510.000 đồng. Bà Trương Thị Kim L, bà Trương Thị Kim L1, mỗi người phải chịu chi phí là 2.377.500 đồng. Ông Trương Văn B phải chịu 4.755.000 đồng. Do bà L, bà L1 đã nộp tạm ứng, nên buộc ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà L, bà L1 số tiền 4.755.000 đồng.

- Chi phí giám định chữ ký là 4.600.000 đồng. Ông Trương Văn B có nghĩa vụ phải nộp. Ông Trương Văn B đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Kim L phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 5.162.400 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.535.500 đồng theo biên lai thu số 0000543 ngày 30/3/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Trương Thị Kim L còn phải nộp thêm 2.626.900 đồng.

Bà Trương Thị Kim L1 phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 5.162.400 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.535.500 đồng theo biên lai thu số 0000540 ngày 30/3/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Trương Thị Kim L1 còn phải nộp thêm 2.626.900 đồng.

Ông Trương Văn B phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 10.324.800 đồng.

Hoàn trả cho ông Trương Thanh H số tiền 2.535.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000656 ngày 04/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả cho ông Trương Văn Q số tiền 2.535.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000658 ngày 04/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả cho bà Trương Thị O số tiền 2.535.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000657 ngày 04/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

II/Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn B, bà Nguyễn Ngọc Đ, ông Trương Tuấn A không phải chịu. Hoàn trả mỗi đương sự 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0003171, 0003170, 0003169 cùng ngày 07/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- NĐ (2);
- BD (1);
- NLQ (10);
- Lưu (10) 28b (Án VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên

